



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9 Phường Thanh Xuân Bắc - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 04 22 147 560 Fax: 04 33 540 600

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex, tên giao dịch là VINACONEX'S CONSTRUCTION CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt Vinaconsult., JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 9 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009 thì:

- Vốn điều lệ: **11.000.000.000 VND** (Mười một tỷ đồng Việt Nam);
- Cổ phần phát hành: 1.100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam <i>Đại diện:</i> Ông Đoàn Châu Phong Ông Nguyễn Duy Khang Ông Đặng Trần Tuấn Ông Trần Đăng Lợi Theo Quyết định số 129/2010/QĐ-PTNL ngày 15/03/2010 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	561.000
2	Nguyễn Duy Khang	Số 18, ngõ 294/11/6 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	62.848
3	Bạch Văn Cường	81 phố Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.660
4	86 cổ đông còn lại		200.402

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Chu Linh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001621 ngày 17/12/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo Quyết định số 166 QĐ/CTCL-TCHC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

ngày 17/5/2004 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Chu Linh thì Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36. Công ty có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 10/03/2009 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **4.000.000.000 VND** (Bốn tỷ đồng Việt Nam).

Địa chỉ: E10, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tel: 04 35 533 657 Fax: 04 35 533 658

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Vinaconex 18

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Vinaconex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tên giao dịch là VINACONEX CONSTRUCTION CONSULTANT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: VINACONEX.18., JSC tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 597/TC - UBTH ngày 09 tháng 4 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì Công ty Tư vấn Xây dựng Thanh Hóa trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2017/QĐ-BXD ngày 17/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000254 ngày 03 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 08/12/2010 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **3.000.000.000 VND** (Ba tỷ đồng Việt Nam).

Trụ sở chính đặt tại: Số 44 Minh Khai, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 037 3 852 463

Fax: 037 3 851 459

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Tư vấn đầu tư: lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;
- Tư vấn đấu thầu: lập hồ sơ mời thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư;
- Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế điện 35 KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;
- Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;
- Xây dựng thực hiện các công trình xử lý nước sạch, nước thải;
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Trụ sở chính đặt tại: Nhà D9 Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04 22 147 560

Fax: 04 35 540 600

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|---------------------------|----------|
| - Ông Nguyễn Duy Khang | Chủ tịch |
| - Ông Đoàn Châu Phong | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Thanh Phương | Ủy viên |
| - Ông Đặng Trần Tuấn | Ủy viên |
| - Ông Lê Thanh Việt Bách | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|---------------------------|----------------|
| - Ông Nguyễn Duy Khang | Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Thanh Phương | Phó Giám đốc |
| - Ông Đặng Trần Tuấn | Phó Giám đốc |
| - Ông Lê Thanh Việt Bách | Phó Giám đốc |
| - Ông Bùi Thế Hải | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX



Nguyễn Duy Khang

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 119 -11/BC-TC/I - VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex
cho năm tài chính 2010

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 được lập ngày 15 tháng 02 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") từ trang 08 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex cho năm tài chính 2010:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười một (11) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex giữ mười (10) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0946/KTV



Mẫu số B 01 - DNHN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A. Tài sản ngắn hạn ✓ (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		73.339.883.666	66.975.536.772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền ✓	110	V.01	10.080.616.266	9.936.213.639
1. Tiền ✓	111		5.580.616.266	8.520.313.639
2. Các khoản tương đương tiền ✓	112		4.500.000.000	1.415.900.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn ✓	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn ✓	121		1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.921.841.950	47.684.762.054
1. Phải thu của khách hàng ✓	131		49.906.666.416	42.264.080.682
2. Trả trước cho người bán ✓	132		4.610.520.835	4.626.943.202
5. Các khoản phải thu khác ✓	135	V.02	1.592.899.201	1.239.273.449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi ✓	139		(1.188.244.502)	(445.535.279)
IV. Hàng tồn kho ✓	140	V.03	6.419.424.437	7.552.486.278
1. Hàng tồn kho ✓	141		6.419.424.437	7.552.486.278
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ✓	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác ✓	150		918.001.013	802.074.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn ✓	151		-	155.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác ✓	158		918.001.013	647.074.801
B. Tài sản dài hạn ✓ (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		32.380.679.210	8.694.469.163
I. Các khoản phải thu dài hạn ✓	210		296.866.598	695.316.611
1. Phải thu dài hạn của khách hàng ✓	211		1.165.234.334	1.234.904.780
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi ✓	219		(868.367.736)	(539.588.169)
II. Tài sản cố định ✓	220		28.660.472.810	5.227.489.005
1. TSCĐ hữu hình ✓	221	V.06	4.616.036.331	5.227.489.005
- Nguyên giá ✓	222		12.513.587.233	12.171.766.959
- Giá trị hao mòn lũy kế ✓	223		(7.897.550.902)	(6.944.277.954)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ✓	230	V.04	24.044.436.479	-
III. Bất động sản đầu tư ✓	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn ✓	250		1.022.100.000	22.100.000
1. Đầu tư vào Công ty con ✓	251		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác ✓	258		1.022.100.000	22.100.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn ✓	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác ✓	260		2.155.709.599	2.417.509.693
1. Chi phí trả trước dài hạn ✓	261	V.05	2.013.616.364	2.417.509.693
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ✓	262		142.093.235	-
3. Tài sản dài hạn khác ✓	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		245.530.203	332.053.854
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		105.720.562.876	75.670.005.935

Mẫu số B 01 - DNHN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		82.771.471.743	56.021.233.031
I. Nợ ngắn hạn	310		70.213.658.835	56.021.233.031
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	4.200.000.000	1.380.774.351
2. Phải trả người bán	312		28.475.571.552	19.677.377.624
3. Người mua trả tiền trước	313		6.966.601.954	9.765.457.202
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	4.392.086.744	5.678.614.771
5. Phải trả người lao động	315		22.490.647.283	15.163.725.620
6. Chi phí phải trả	316		614.824.880	814.622.662
7. Phải trả nội bộ	317		-	1.693.291.139
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	2.778.579.500	1.879.038.969
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		295.346.922	(31.669.307)
II. Nợ dài hạn	330		12.557.812.908	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	11.973.774.351	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		41.538.557	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		542.500.000	-
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		19.192.286.605	16.563.246.276
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	19.192.286.605	16.563.246.276
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.000.000.000	11.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.624.190.000	1.624.190.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		47.439.819	23.364.632
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.606.306.048	1.027.731.750
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		253.157.135	75.592.700
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.166.936	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.655.026.667	2.812.367.194
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		3.756.804.528	3.085.526.628
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400+439)	440		105.720.562.876	75.670.005.935

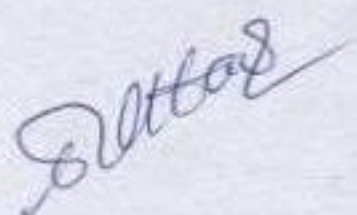
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 02 - DNHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	89.638.872.584	90.305.031.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		659.233.297	131.220.895
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		88.979.639.287	90.173.810.627
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.13	67.518.412.174	68.444.651.444
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.461.227.113	21.729.159.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	1.055.914.065	524.484.878
7. Chi phí tài chính	22	VI.15	133.379.905	263.888
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		133.379.905	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.1	15.204.259.330	15.951.743.055
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		7.179.501.943	6.301.637.118
11. Thu nhập khác	31	VII.2.2	418.108.231	110.498.697
12. Chi phí khác	32	VII.2.3	872.821.152	42.249.938
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(454.712.921)	68.248.759
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		6.724.789.022	6.369.885.877
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.659.193.743	939.886.520
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	6.035.683
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.065.595.279	5.423.963.674
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		715.621.207	877.431.896
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (62 = 60 - 61)	62		4.349.974.072	4.546.531.778
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.16	3.955	4.133

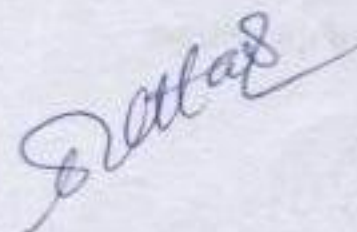
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 09 - DNHN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2010	Năm 2009
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		6.724.789.022	6.369.885.877
2	Điều chỉnh cho các khoản			96.169.744	1.184.341.428
	Khấu hao TSCĐ	02		957.566.692	843.961.880
	Các khoản dự phòng	03		(188.215.070)	751.049.757
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(806.561.783)	(410.670.209)
	Chi phí lãi vay	06		133.379.905	-
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.820.958.766	7.554.227.305
	Tăng giảm các khoản phải thu	09		(7.749.265.502)	(22.257.067.846)
	Tăng giảm hàng tồn kho	10		1.133.061.841	4.152.690.958
	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.783.118.309	20.630.370.262
	Tăng giảm chi phí trả trước	12		452.864.883	(1.605.534.370)
	Tiền lãi vay đã trả	13		(143.747.571)	(88.021.007)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.565.844.990)	(353.323.126)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		47.917.814	-
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(511.551.867)	(323.716.709)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.267.511.683	7.709.625.467
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(24.057.288.658)	(2.647.293.826)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		2.750.000	67.527.918
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(4.500.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.415.900.000	5.000.000.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		806.561.783	365.646.078
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.332.076.875)	(1.714.119.830)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		14.800.000.000	45.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.000.000)	(635.000.000)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(631.472.000)	(1.164.146.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.161.528.000	(1.754.146.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		96.962.808	4.241.359.637
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.936.213.639	5.671.489.370
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.439.819	23.364.632
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	10.080.616.266	9.936.213.639

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Phương Hoa
Phạm Thị Phương Hoa

Bùi Thế Hải
Bùi Thế Hải

Nguyễn Duy Khang
Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex, tên giao dịch là Vinaconex's Construction Consultant Joint Stock Company, tên viết tắt Vinaconsult JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 9 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009 thì:

- Vốn điều lệ: 11.000.000.000 VND (Mười một tỷ đồng Việt Nam);
- Cổ phần phát hành: 1.100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam <i>Đại diện:</i> Ông Đoàn Châu Phong Ông Nguyễn Duy Khang Ông Đặng Trần Tuấn Ông Trần Đăng Lợi Theo Quyết định số 129/2010/QĐ-PTNL ngày 15/03/2010 của Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	561.000
2	Nguyễn Duy Khang	Số 18, ngõ 294/11/6 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	62.848
3	Bạch Văn Cường	81 phố Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.660
4	86 cổ đông còn lại		200.402

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn đầu tư: lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010
(tiếp theo)

- Tư vấn đầu thầu: lập hồ sơ mời thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư;
- Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế điện 35 KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;
- Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;
- Xây dựng thực hiện các công trình xử lý nước sạch, nước thải;
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.

Trụ sở chính đặt tại: Nhà D9 phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04 22 147 560

Fax: 04 35 540 600

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất của Công ty

Số lượng công ty con: 02 Công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 Công ty

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36 | Địa chỉ: E10, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 55,5%
Quyền biểu quyết của Công ty: 55,5% |
| 2. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Vinaconex | Địa chỉ: Số 44 Minh Khai, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 61,47%
Quyền biểu quyết của Công ty: 61,47% |

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2010***(tiếp theo)***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Đầu tư vào Công ty Con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty cổ phần mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2010. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 4
Phương tiện vận tải	6 - 10

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, bao gồm các loại chi phí: ISO, công cụ dụng cụ và lợi thế thương mại. Có thời hạn phân bổ từ 12 tháng cho đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước tiền nhà, tiền điện nước được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng, các chi phí thực tế phát sinh trong các tháng trước.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành thực tế và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010
(tiếp theo)

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Riêng doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà thầu nước ngoài được ghi nhận căn cứ vào số tiền nhà thầu thanh toán theo điều khoản trên hợp đồng cung cấp dịch vụ và phát hành hóa đơn bán hàng với số doanh thu ghi nhận trong kỳ là 28.036.511.452 VND.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 02 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

11.2. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.3. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Thuế suất thuế GTGT áp dụng như sau:

- Thuế suất nghiên cứu báo cáo khả thi, tư vấn, thẩm định, khảo sát, thiết kế dự án là 10%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.4. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	660.217.684	905.207.918
VND	471.116.184	551.770.218
USD	189.101.500	353.437.700
Tiền gửi ngân hàng	4.920.398.582	7.615.105.721
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	376.651.235	139.135.590
VND	175.548.616	130.728.938
USD	5.617.484	5.361.668
EUR	195.485.135	3.044.984
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	1.047.385.878	7.169.445.560
VND	163.611.050	1.901.874.667
USD	883.774.828	5.267.570.893
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	755.349.575	-
VND	357.586.625	-
USD	397.762.950	-
Ngân hàng Công thương Thanh Xuân - VND	10.351.829	8.314.636
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - VND	272.516.699	12.822.160
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu - VND	1.531.387	-
Ngân hàng Cổ phần Thương mại An Bình - VND	-	1.023.926
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - CN Đông Đô - VND	1.529.900.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	926.711.979	284.363.849
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	1.415.900.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Tây	4.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	500.000.000	1.415.900.000
Tổng cộng	10.080.616.266	9.936.213.639

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu BHXH - Chi nhánh Thanh Xuân	44.458.058	47.394.644
Thuế thu nhập cá nhân	109.386.166	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	4.963.557	538.749.830
Công ty CP Vinaconex 11 - Hải Dương	156.000.000	19.875.000
Xưởng cấp thoát nước số 1	243.078.619	95.000.000
Xưởng cấp thoát nước số 2	1.162.099	1.162.099
Phải thu khác	389.910.850	2.191.410
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội - Thành phố Thanh Hóa	-	1.365.524

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Vũ Hồng Điệp	7.650.000	-
UBND Quỳnh Phụ - Thái Bình	1.450.000	1.450.000
Bảo hiểm y tế	54.569.044	36.667.775
Tạm ứng cổ tức năm 2009 cho cổ đông cá nhân	-	80.913.000
DA XD trụ sở Công ty	12.133.636	-
TT giống cây trồng nông nghiệp	140.000.000	-
Cao Dững Thắng - phòng Tổng hợp	23.777.000	-
Lê Thị Thiệp Sở Xây dựng	15.572.000	15.572.000
Phòng Thí nghiệm	31.028.000	31.028.000
Trung tâm Quảng cáo	59.502.000	35.802.000
Đội Địa chất	130.130.000	130.130.000
Tiền ốm đau, thai sản	18.305.705	32.847.848
Phải thu thuế TNCN	23.615.433	5.149.950
UBND Huyện Bá Thước	4.004.000	4.004.000
UBND thị trấn Cảnh Nàng	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	117.203.034	154.970.369
Tổng cộng	1.592.899.201	1.239.273.449
3. Hàng tồn kho		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	13.906.190	22.857.193
Công cụ, dụng cụ	7.747.272	2.320.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.397.770.975	7.527.309.085
Tổng cộng	6.419.424.437	7.552.486.278
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tầng 6 Tòa nhà chung cư 25T2	24.044.436.479	-
Tổng cộng	24.044.436.479	-
5. Chi phí trả trước dài hạn		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.095.173.623	1.444.521.499
Chi phí sửa chữa trụ sở công ty	738.442.741	738.442.741
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	54.545.453
Giá trị thương hiệu	180.000.000	180.000.000
Tổng cộng	2.013.616.364	2.417.509.693

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010
 (tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư ngày 01/01/2010	6.001.475.798	2.824.514.315	3.264.605.292	81.171.554	12.171.766.959
- Mua trong năm	-	353.502.179	-	-	353.502.179
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(105.730.875)	-	-	(105.730.875)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2010	6.001.475.798	3.072.285.619	3.264.605.292	81.171.554	12.419.538.263
Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư ngày 01/01/2010	3.163.590.087	1.985.794.507	1.718.351.740	81.171.554	6.948.907.888
- Khấu hao trong năm	255.591.133	361.460.499	340.515.060	-	957.566.692
- Thanh lý, nhượng bán	-	(102.972.648)	-	-	(102.972.648)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2010	3.419.181.220	2.244.282.358	2.058.866.800	81.171.554	7.803.501.932
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2010	2.837.885.711	838.719.808	1.546.253.552	-	5.222.859.071
- Tại ngày 31/12/2010	2.582.294.578	828.003.261	1.205.738.492	-	4.616.036.331

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.254.204.636 VND

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 34.967.086 VND

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

7. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	1.380.774.351
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	1.373.774.351
Lê Xuân Kết	-	7.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi (*)	4.200.000.000	-
Tổng cộng	4.200.000.000	1.380.774.351

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi theo Hợp đồng tín dụng số 80/HĐTD 2010 ngày 13/10/2010 đến hạn trả trong năm tài chính 2011.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính : VND
				31/12/2010
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.372.435.603	8.797.309.638	10.271.369.855	2.898.375.386
Thuế thu nhập DN	930.224.852	1.801.286.978	1.565.844.990	1.165.666.840
Thuế thu nhập cá nhân	221.704.724	993.400.530	1.033.336.119	181.769.135
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	47.030.280	47.030.280	-
Các loại thuế khác	154.249.592	212.408.491	220.382.700	146.275.383
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.678.614.771			4.392.086.744

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	471.744.318	454.538.954
BHXH phải nộp	6.282.774	5.857.184
BHYT phải nộp	125.744	-
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.511.085.139	856.975.406
Kinh phí công đoàn	130.096.343	66.533.343
Bảo hiểm xã hội	10.717.566	-
Tiền bồi thường phải trả các hộ dân giải phóng mặt bằng khu B	99.626.993	99.626.993
Các khoản phải trả phải nộp khác	548.900.623	395.507.089
Tổng cộng	2.778.579.500	1.879.038.969

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010
(tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2009	11.000.000.000	1.624.190.000	23.364.632	881.652.614	13.529.207.246
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong các năm trước	-	-	-	4.546.531.778	4.546.531.778
Tăng khác	-	-	-	22.790.953	22.790.953
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(2.638.608.151)	(2.638.608.151)
Số dư ngày 31/12/2009	11.000.000.000	1.624.190.000	23.364.632	2.812.367.194	15.459.921.826
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.349.974.072	4.349.974.072
Tăng khác	-	-	296.792.101	-	296.792.101
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(272.716.914)	(2.507.314.599)	(2.780.031.513)
Số dư ngày 31/12/2010	11.000.000.000	1.624.190.000	47.439.819	4.655.026.667	17.326.656.486

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

10. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	11.973.774.351	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi (*)	10.600.000.000	
Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	1.373.774.351	
Tổng cộng	11.973.774.351	-

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi theo Hợp đồng tín dụng số 80/HĐTD 2010 ngày 13/10/2010. Được sử dụng vào mục đích đầu tư mua diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng toàn nhà chung cư 25T2 cụm nhà hỗn hợp cao tầng tại lô đất N05 thuộc Dự án khu đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 13/10/2010 đến ngày 13/10/2015 với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + biên độ tối thiểu 3,6%/năm, kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 15,5%/năm. Số tiền vay được trả thành 19 kỳ hạn (mỗi kỳ hạn là 03 tháng), kỳ đầu trả vào tháng 03/2010.

11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.610.000.000	5.610.000.000
Các đối tượng khác	5.390.000.000	5.390.000.000
Tổng cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp đầu năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.650.000.000	1.971.787.000

11.4 Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	545.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	1.100.000	545.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>545.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.100.000	1.100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**12. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát và thiết kế	89.511.986.220	90.201.393.622
Doanh thu cho thuê mặt bằng	69.181.818	33.818.200
Doanh thu cho thuê nhà làm việc	16.250.000	32.729.000
Doanh thu cho thuê kiot	41.454.546	37.090.700
Tổng cộng	89.638.872.584	90.305.031.522

13. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ thiết kế, tư vấn và giám sát	67.518.412.174	68.444.651.444
Tổng cộng	67.518.412.174	68.444.651.444

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	802.302.773	524.484.878
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	249.352.282	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.259.010	-
Tổng cộng	1.055.914.065	524.484.878

15. Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí đi vay	133.379.905	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	263.888
Tổng cộng	133.379.905	263.888

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.349.974.072	4.546.531.778
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.349.974.072	4.546.531.778
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.955	4.133

VII. Những thông tin khác

1. Số dư với các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu			
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	2.988.499.324	3.776.180.909
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	10.385.000	141.256.998
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	95.533.636	600.383.635
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	Đơn vị cùng Tổng	35.227.273	2.084.754.545
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Đơn vị cùng Tổng	-	536.106.073
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	2.183.800.908	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	Đơn vị cùng Tổng	1.239.750.655	1.745.744.068
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Vinaconex Thanh Hóa	Đơn vị cùng Tổng	18.181.818	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	2.877.142.831	8.020.707.479
BQL các dự án đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	45.770.656	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	12.063.636	2.471.548.418
Công ty CP đầu tư Xây dựng công trình ngầm	Đơn vị cùng Tổng	-	363.238.924
Tổng Công ty CP XNK XD Việt Nam	Đơn vị cùng Tổng	64.891.209	375.915.973
Công ty CP Đầu tư và PT Điện Miền Bắc 2	Công ty mẹ	10.633.136.545	3.631.383.317
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 2	Đơn vị cùng Tổng	-	138.466.364
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	311.520.909	101.287.273
Công ty Cổ phần thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	608.287.455	224.945.455
Ban điều hành công trình Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	487.287.939	1.821.358.182
Công ty CP PT thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	28.776.364	-
Ban quản lý dự án xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	563.053.079
Công ty CP Tư vấn TK Vinaconex Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	-	30.730.909
		-	23.760.000

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Mua hàng

Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	277.345.614
Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	681.818.182	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	22.881.258.902	-
Công ty CP đầu tư Xây dựng công trình ngầm TCT CP XNK XD Việt Nam Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	50.002.910	270.448.972
	Công ty mẹ	7.580.729.838	1.906.753.860
Công ty CP đầu tư và PT điện Miền Bắc 2	Đơn vị cùng Tổng	-	54.752.932
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 2	Đơn vị cùng Tổng	231.168.705	75.657.783
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	506.074.363	168.812.027
Công ty Cổ phần thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	383.865.328	1.546.578.218
Ban điều hành công trình Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	19.074.731	-
Công ty CP PT thương mại Vinaconex (Chợ Mơ)	Đơn vị cùng Tổng	-	477.002.342
Ban Quản lý dự án xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	22.600.807

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	2.227.235.266	2.865.241.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	169.141.405	204.304.405
Công ty Cổ phần xây dựng số 3	Đơn vị cùng Tổng	833.980.000	2.293.230.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Đơn vị cùng Tổng	729.339.000	729.339.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Đơn vị cùng Tổng	-	595.908.101
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà và dịch vụ đô thị	Đơn vị cùng Tổng	-	49.467.000
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng HTC N Sông Đà Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	-	1.694.377.460
Ban quản lý dự án Đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	-	497.249.875
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	63.613.800	63.613.800
Ban quản lý Dự án Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	119.439.514
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	1.734.520.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Đơn vị cùng Tổng	425.066.198	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	3.164.858.532	5.697.102.226
Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam	Công ty mẹ	5.189.961.800	385.037.600
Công ty CP Đầu tư và PT Điện Miền Bắc 2	Đơn vị cùng Tổng	-	152.313.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Đơn vị cùng Tổng	21.380.330	113.507.570
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	181.167.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	673.906.533	716.698.800
Công ty CP PT Thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	-	2.489.387

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Phải thu dài hạn khách hàng

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	6.996.000	6.996.000
Công ty Xây dựng số 4	Đơn vị cùng Tổng	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 17	Đơn vị cùng Tổng	50.483.500	50.483.500

Trả trước cho người bán

Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam	Công ty mẹ	236.896.872	-
Công ty CP thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	-	150.000.000
Ban điều hành công trình thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	53.346.000	85.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	87.267.600	146.675.600

Phải thu khác

Công ty Cổ phần xây dựng số 11	Đơn vị cùng Tổng	156.000.000	19.875.000
--------------------------------	------------------	-------------	------------

Các khoản phải trả**Phải trả nội bộ**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	585.573.000	637.984.000
--	------------	-------------	-------------

Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	196.745.445	34.929.140
Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	782.026.560	782.026.560
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	925.512.139	1.274.298.545

Người mua trả tiền trước

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	237.476.442	1.870.688.742
--	------------	-------------	---------------

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Ban quản lý HTCN khu Dung	Công ty mẹ	565.931.000	565.931.000
--	------------	-------------	-------------

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	Đơn vị cùng Tổng	33.401.398	33.401.398
--	------------------	------------	------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	-	667.660.750
-------------------------------	------------------	---	-------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	79.066.543	-
-------------------------------	------------------	------------	---

BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	29.267.000	-
---------------------------------	------------------	------------	---

Doanh thu chưa thực hiện

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	465.227.273	465.227.273
-------------------------------	------------------	-------------	-------------

Vay và nợ ngắn hạn

Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam	Công ty mẹ	1.373.774.351	1.373.774.351
------------------------------------	------------	---------------	---------------

2. Những thông tin khác**2.1 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	8.955.501.741	8.128.376.501
Chi phí nguyên vật liệu	386.781.330	289.745.421
Chi phí đồ dùng văn phòng	261.701.225	470.266.599

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Khấu hao TSCĐ	642.494.077	313.700.530
Phí, lệ phí	154.508.413	205.825.791
Phân bổ lợi thế thương mại	36.064.789	56.696.500
Dịch vụ mua ngoài	1.731.430.357	2.159.476.599
Chi khác bằng tiền	3.035.777.398	4.327.655.114
Tổng cộng	15.204.259.330	15.951.743.055
2.2 Thu nhập khác		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thanh lý tài sản	4.750.000	65.865.048
Thu lại lương và hỗ trợ của nhân viên nghỉ việc	15.579.000	-
Điều chỉnh giảm nộp phạt thuế	40.057.052	-
Thu nhập khác	357.722.179	44.633.649
Tổng cộng	418.108.231	110.498.697
2.3 Chi phí khác		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán thanh lý	2.758.227	22.503.787
Chi phí dự thi phương án kiến trúc Dự án tòa nhà 45 tầng - Công ty Vimenco	810.255.000	-
Chi khuyến khích dự thi phương án kiến trúc	9.000.000	-
Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN và thuế	47.242.860	17.092.947
Chi phí khác	3.565.065	2.653.204
Tổng cộng	872.821.152	42.249.938

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú. Một số số liệu đầu kỳ đã được trình bày lại cho phù hợp với quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang